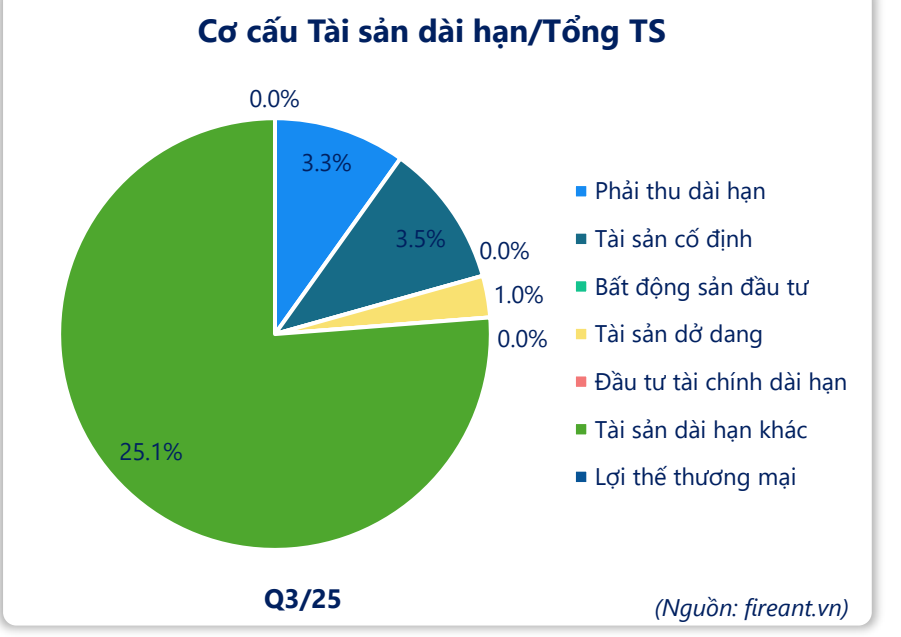
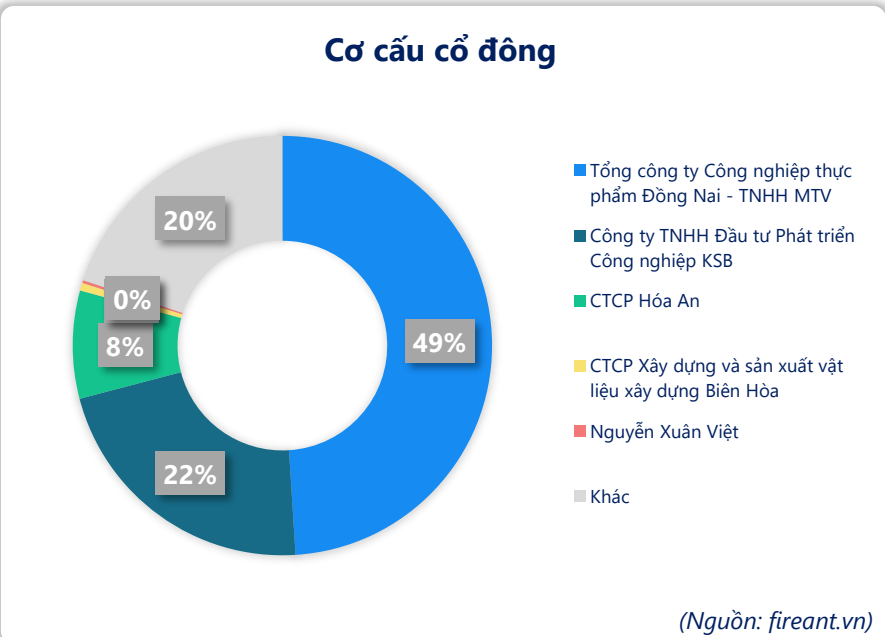
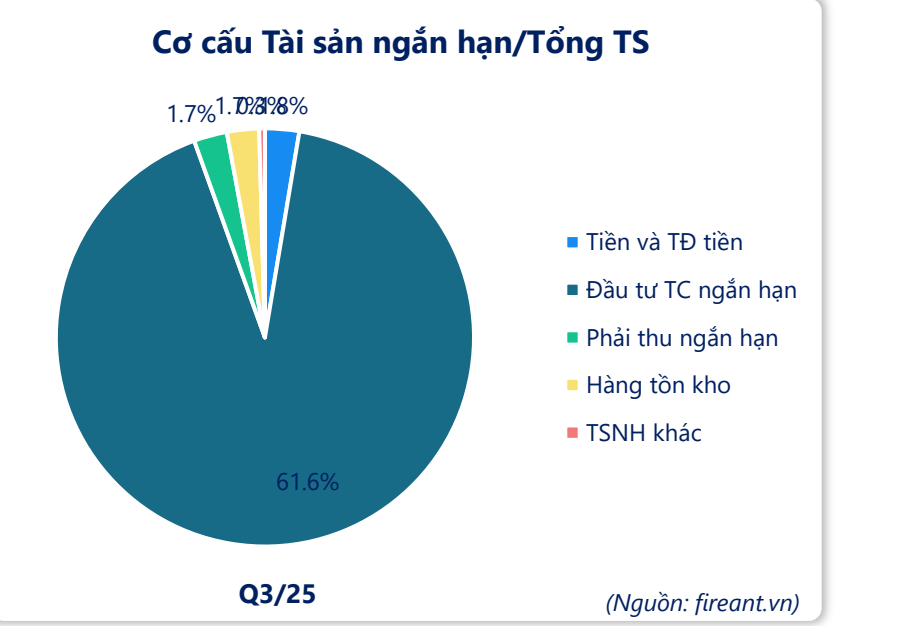
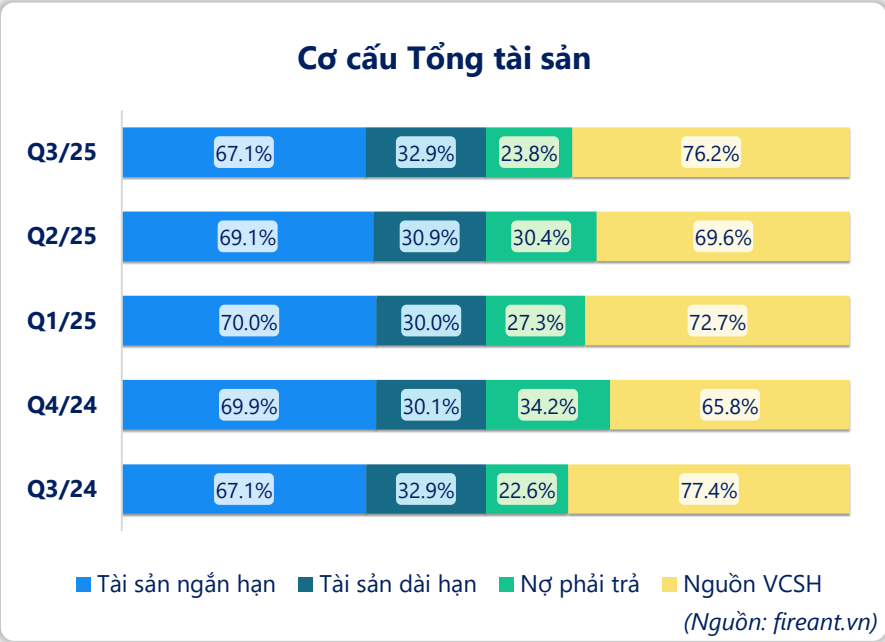
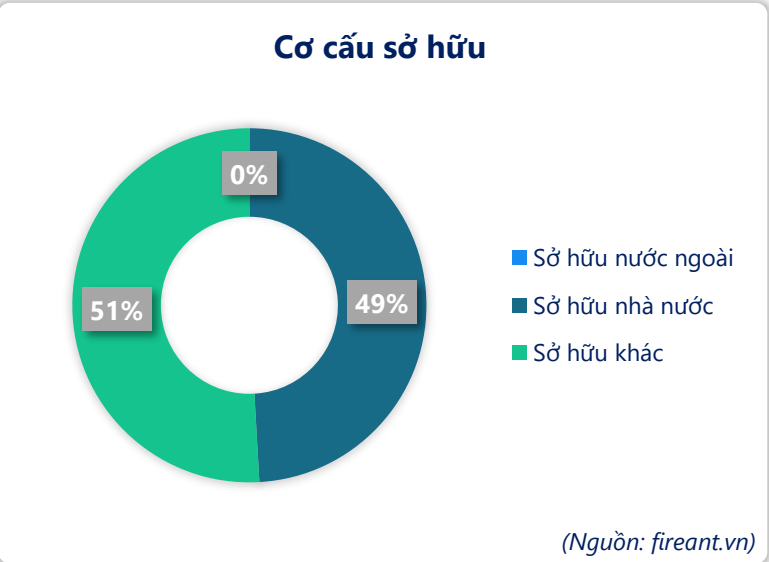
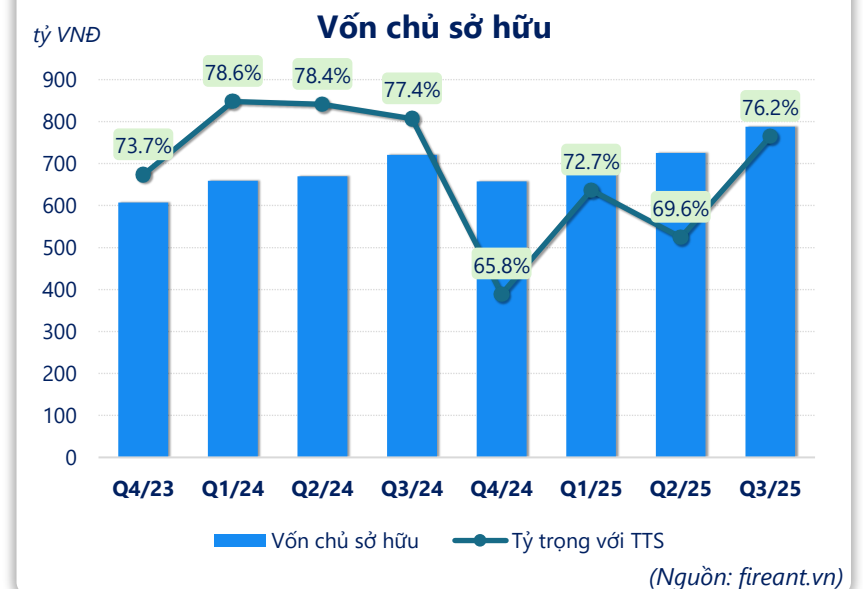
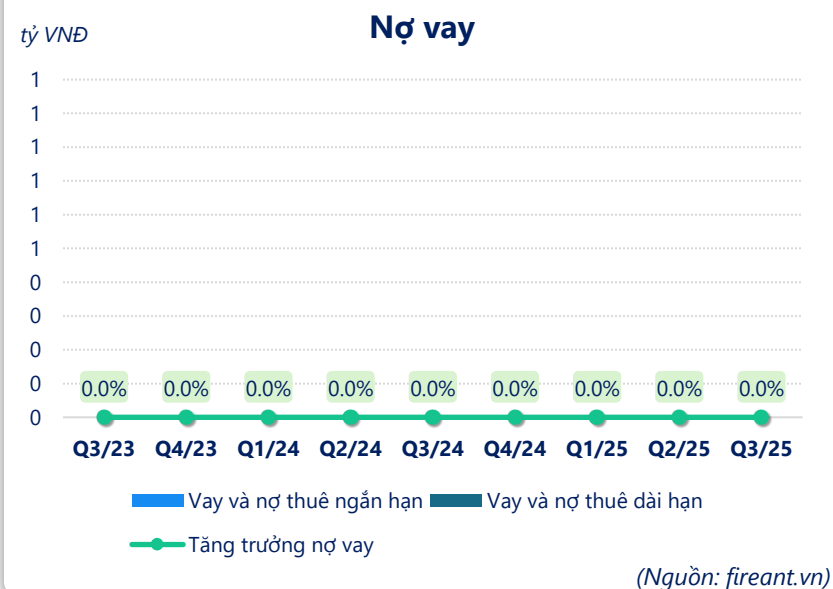
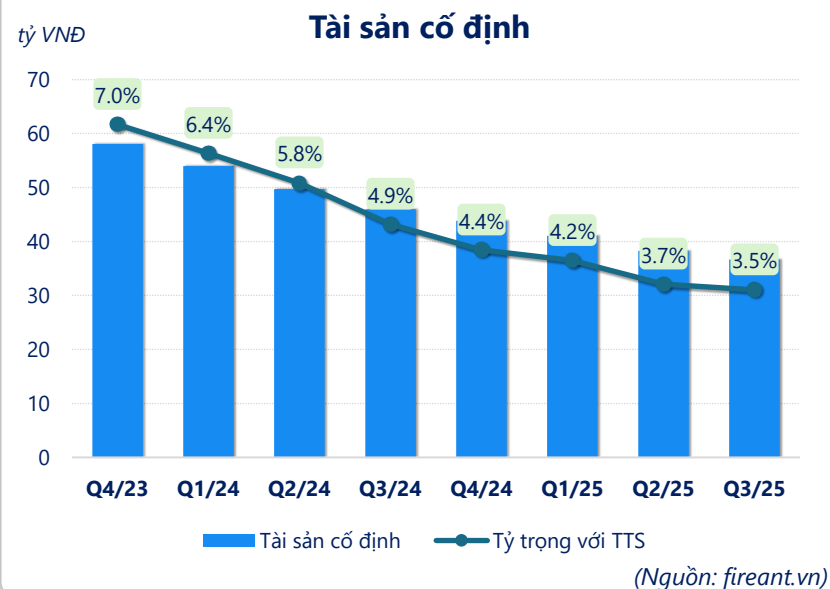
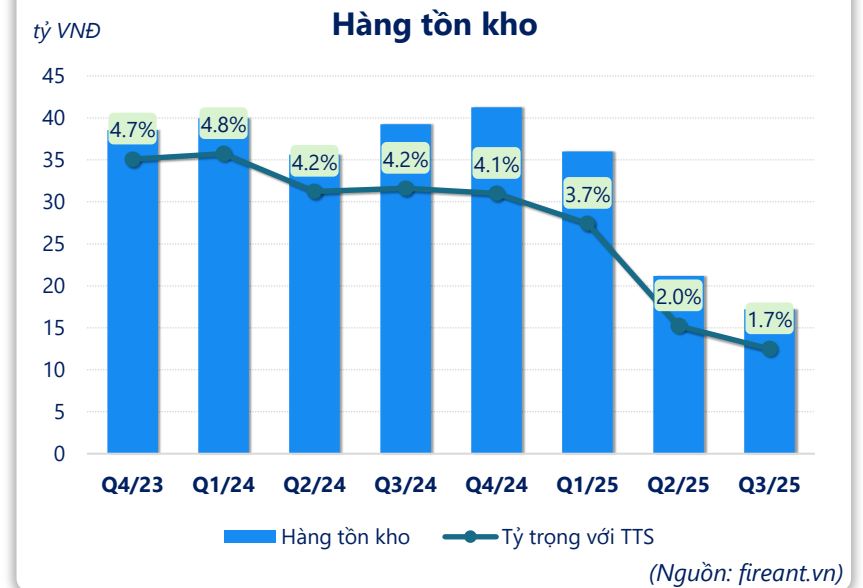
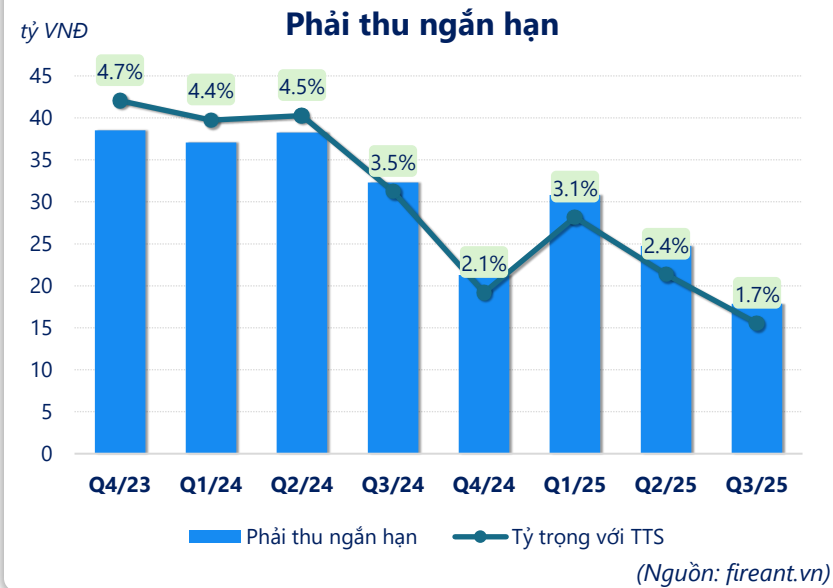
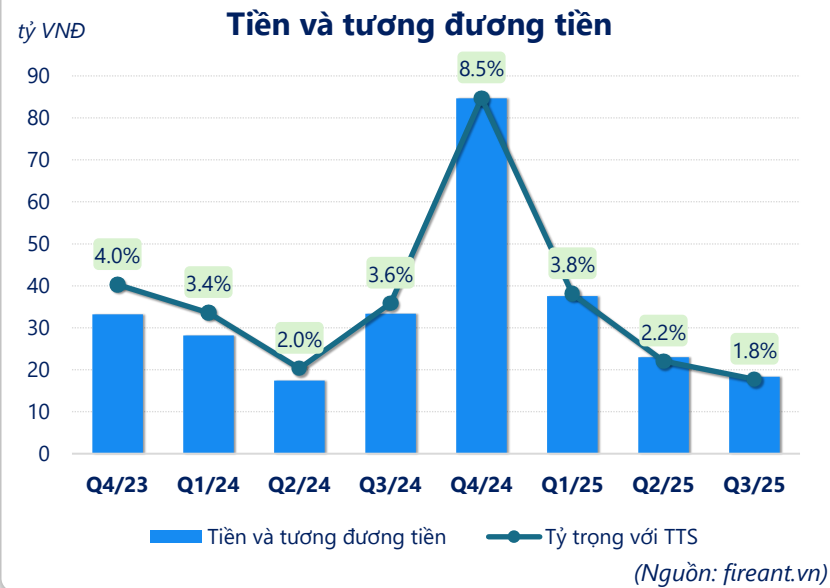
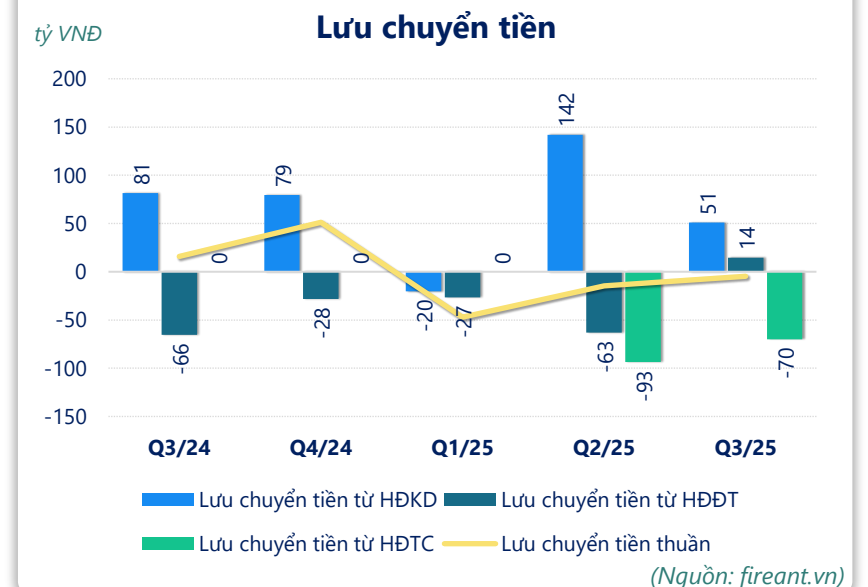
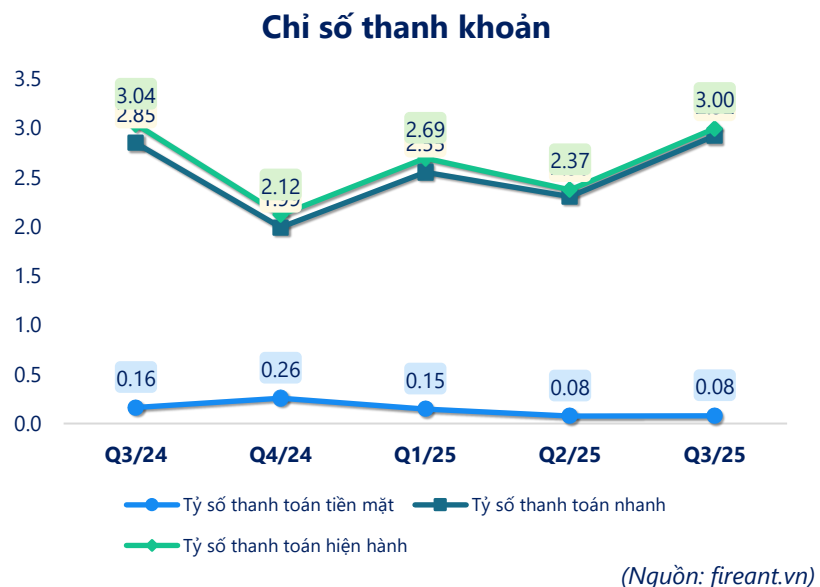
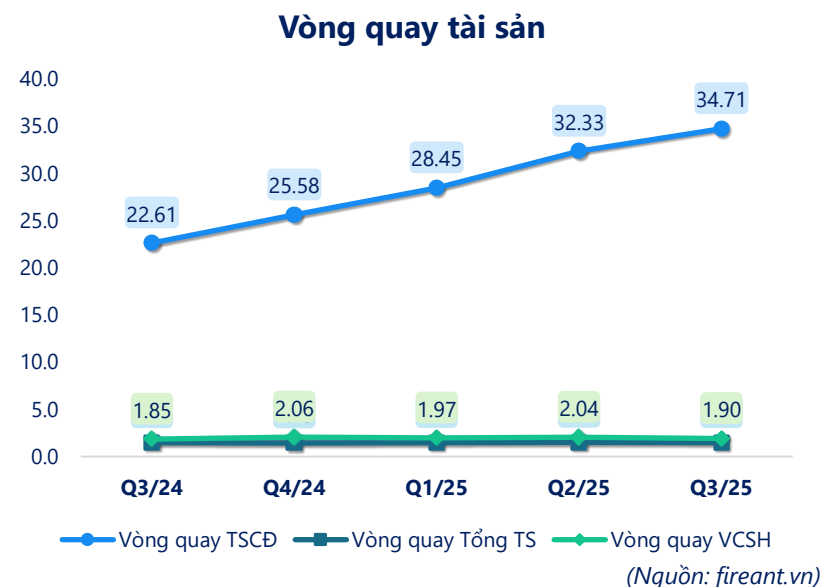
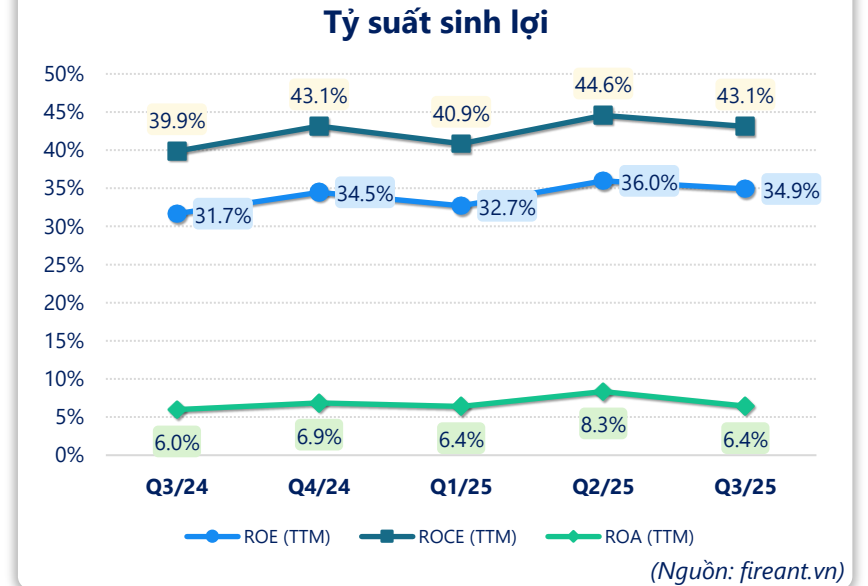
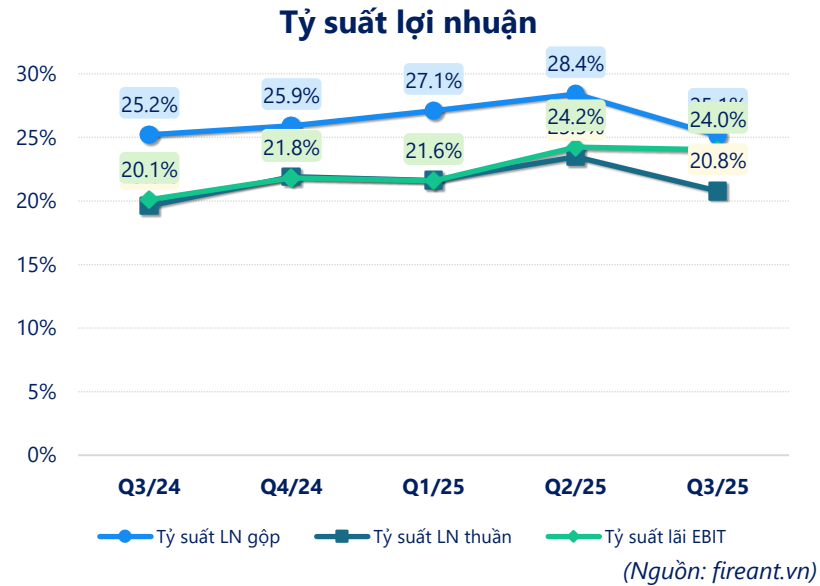
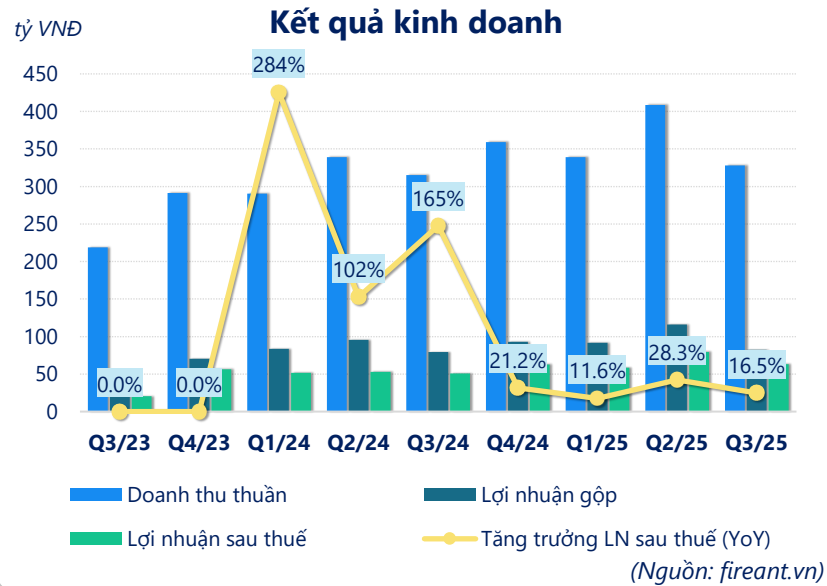


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		46,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		49,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		35,310
SL cổ phiếu LH		46,720,560
KLGD BQ 20 phiên (CP)		61,810
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,149
P/E		8.2
EPS		5,637

	YTD	1T	3T	6T
VLB	14.6%	0.9%	2.7%	12.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,034	998	3.5%
Tài sản ngắn hạn	693	698	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	18.3	84.6	-78.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	637	551	15.7%
Phải thu ngắn hạn	17.8	21.3	-16.2%
Hàng tồn kho	17.2	41.3	-58.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.06	0.00	75646%
Tài sản dài hạn	340	301	13.1%
Phải thu dài hạn	33.6	32.6	3.0%
Tài sản cố định	36.7	43.8	-16.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.6	0.20	5232%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	259	224	15.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	246	341	-28.0%
Nợ ngắn hạn	232	330	-29.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	30.7	20.5	49.9%
Nợ dài hạn	14.1	11.8	19.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	788	657	19.9%
Vốn chủ sở hữu	788	657	19.9%
Vốn điều lệ	469	469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	315	359	339	409	328
Giá vốn hàng bán	236	266	247	292	246
Lợi nhuận gộp	79.5	93.0	91.8	116	82.5
Doanh thu HĐTC	3.32	12.6	2.10	4.54	7.84
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.79	3.75	3.11	3.08	4.20
Chi phí QLDN	18.2	23.2	17.6	21.6	18.0
LN thuần từ HĐKD	61.8	78.7	73.2	95.9	68.1
Lợi nhuận khác	1.54	-0.34	-0.07	3.11	10.7
LN trước thuế	63.4	78.3	73.1	99.0	78.9
Lợi nhuận sau thuế	50.7	62.6	58.5	79.2	63.1
LNST của CĐ cty mẹ	50.7	62.6	58.5	79.2	63.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	81.5	79.4	-20.4	142	50.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-65.5	-28.2	-26.7	-63.0	14.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-93.4	-70.1
Tiền đầu kỳ	17.4	33.4	84.6	37.5	23.0
Lưu chuyển tiền thuần	16.0	51.2	-47.1	-14.5	-4.67
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	33.4	84.6	37.5	23.0	18.3

(Nguồn: fireant.vn)